

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12-01-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022; Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 01/QĐ-TA ngày 09 tháng 01 năm 2023 và Quyết định thay đổi Thư ký số 03/QĐ-TA ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Tổ 11, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phạm Hoàng G – Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn K – Chi nhánh huyện L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Địa chỉ: Số 33 đường 3/2, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm: 1981 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 8, thôn S, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Tổ 11, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2013, quyển số 01/2013 ngày 21-10-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê phòng trọ tại thị trấn L, huyện L sinh sống để tiện cho việc kinh doanh hải sản của chị T. Hiện nay, chị T đang kinh doanh hải sản tại chợ mới L, còn anh B không có công việc ổn định. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn được hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng đã tìm cách hàn gắn cũng như được gia đình hai bên giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B.

Về con chung và cấp dưỡng: Có 04 con chung, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc D, cháu Trần Minh T, cháu Trần Minh Đ và cháu Trần Minh K đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện ngày 05-8-2022, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4 và quyền sử dụng diện tích 231,8m² đất thuộc thửa số 182, tờ bản đồ 35 xã P, huyện L, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 045241 do UBND huyện L cấp ngày 10-10-2007, được chỉnh lý trang 04 ngày 11-01-2018, chuyển nhượng cho ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Diễm O (đứng tên giùm). Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ngày 17-10-2022 và trong quá trình tố tụng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn anh Trần Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh ngày 30-11-2022, thì hiện nay anh B đang cư trú tại tổ 11, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa: Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do và chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh B đã diễn ra từ lâu, nhưng không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Quá trình Tòa án giải quyết vụ việc, anh B cố tình vắng mặt không có thiện chí hòa giải cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh B. Về con chung, theo nguyện vọng của con và tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con đối với anh B được xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nhưng không giải quyết được. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh B. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh B vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và đã sống ly thân một thời gian dài, nhưng không giải quyết được nên yêu cầu được ly hôn, trong khi đó anh B cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, anh B không có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con và cấp dưỡng: Có 04 con chung, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, cháu T, cháu Đức và cháu K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Xét thấy, các cháu đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu D và cháu T có nguyện vọng ở với mẹ và để tránh làm tổn thương cho các cháu nên giao cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Trần Văn B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn B.

- Về con và cấp dưỡng: Giao cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 15-9-2014; cháu Trần Minh T sinh ngày 04-10-2016; cháu Trần Minh Đ sinh ngày 06-10-2018 và cháu Trần Minh K, sinh ngày 29-04-2022 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009156 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã X, huyện C (số 80/2013 ngày 21-10-2013;
- Lưu hồ sơ vụ án....

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Hoàng Đức